TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NHÂN VẬT THẦN LINH TRONG TRUYỀN THUYẾT VIỆT NAM, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC QUA NGUỒN TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

Nguyễn Hữu Kim Duyên
Trường Đại học Đà Lạt
Email: olivegarden1006@gmail.com
Ngày nhận: 10/3/2021; Ngày duyệt đăng: 16/7/2021

Tóm tắt

Khảo lược tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh ở Việt Nam và ba nước Châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, vốn được coi là đồng văn đồng chủng, là công việc có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu văn hóa - văn học. Từ ý nghĩa cụ thể, vấn đề này cho chúng ta có được cái nhìn tổng quan về hệ thống các nhân vật thần linh trong truyền thuyết của Việt Nam cũng như các nước Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản; Vấn đề sẽ đưa chúng ta đến những suy luận, phân tích và đánh giá rộng hơn đó là về đặc điểm, bối cảnh văn hóa ở mỗi nước, những quan niệm của mỗi dân tộc về thế giới tâm linh, về phong tục tập quán, lối sống, về óc tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú của họ. Từ đó, có thể thấy thần linh luôn giữ vai trò quan trọng trong truyền thuyết, trong đời sống văn hóa tinh thần, trong tâm thức của nhân dân Việt Nam nói riêng và hầu hết các nước Phương Đông (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ thời cổ sử cho đến tận ngày nay.

Từ khóa: *nhân vật, thần linh, truyền thuyết, trung đại, văn hóa tâm linh*

Overview of research on divine characters in Vietnamese, Chinese, Japanese, and Korean legends through Vietnamese documents

Abstract

An overview of research on divine characters in Vietnam and three Asian countries: China, Japan, and Korea which are considered as the same culture, is an important work in the study of culture and literature. From a specific meaning, this issue gives us an overview of divine characters system in Vietnam legend as well as China, Korea and Japan; The problem will lead us to broader inferences, analyzes and assessments about characteristics and cultural contexts of each country, the conceptions of each nation about the spiritual world, customs and habits, lifestyle, creative thinking and their rich imagination. In conclusion, it can be seen that God always play an important role in legends, spiritual and cultural life, and in Vietnamese mind particularly and most of the Eastern of Asian countries (China, Japan, Korea) from ancient to present.

Keywords: *characters, gods, legends, middle age, spiritual culture*

1. Tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh trong truyền thuyết Trung Quốc

Mỗi dân tộc đều có kho truyền thuyết và thần thoại của riêng mình, nhưng nói đến Trung Quốc – một trong những cái nôi của văn minh Phương Đông, là chúng ta nói đến một quốc gia rộng lớn với bề dày lịch sử và văn hóa đồ sộ cũng như sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong khu vực, đã tạo nên dấu ấn văn hóa ở hầu hết các quốc gia Đông Á, với một kho tàng khổng lồ về truyền thuyết và thần thoại, một hệ thống các điển cố điển tích vô cùng đặc sắc.

Với quan niệm "vạn vật hữu linh" và sự tồn tại phát triển của nhiều loại hình tôn giáo, Trung Quốc là một đất nước đa thần linh. Truyền thuyết và Thần thoại Trung Hoa được hình thành và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của quốc gia dân tộc Trung Hoa thống nhất. Bởi thế nó là một chặng đường lịch sử dài tới 5000 năm và với rất nhiều biến cố, sự kiện thăng trầm. Chính vì vậy, có không ít học giả của nước này đã nghiên cứu và xuất bản rất nhiều công trình liên quan đến các truyền thuyết về thần linh. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu một số công trình khoa học chính.

Cuốn sách đầu tiên ghi chép về thần linh có lẽ là *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận, ông giải thích:

Thần thoại tức là câu chuyện về thần linh. Thần nghĩa gốc là thiên thần): thần, thiên thần là từ vạn vật vậy, từ bộ thị, bộ thân. Thần linh lấy tia chớp mà giáng họa phúc, biểu thị sự uy nghiêm[1].

Lỗ Tấn trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, nhà xuất bản Bắc Đại Tân Triều (năm 1923)[2], đã định nghĩa rằng: Buổi đầu của người dân thuở xưa, nhìn trời đất vạn vật biến đổi lạ kỳ, các hiện tượng này lại xuất hiện ở trên khả năng của con người, từ đó quần chúng giải thích chuyện đó. Tất cả những lý giải đó, ngày nay gọi là thần thoại.

Tác phẩm nổi tiếng nghiên cứu về truyền thuyết thần thoại thời cổ đại của Trung Quốc của tác giả Thôi Chung Lôi đã thu thập nghiên cứu về Bàn Cổ khai thiên địa, Nữ Oa tạo ra người[3], …

Tác giả Viên Kha là một học giả về thần thoại, người Tứ Xuyên Tân Đô, ông đã nghiên cứu nhiều về thần thoại như: *Trung Quốc cổ đại thần thoại*; *Trung Quốc thần thoại truyền thuyết*; *Cổ thần thoại tuyển dịch*; *Thần Thoại luận văn tập*; *Viên Kha thần thoại luận văn*; *Trung Quốc thần thoại bách đề*; *Thần thoại cố sự tân biên*; *Trung Hoa văn hóa tập túy chúng thư, thần dị thiên*[4], ….

Ngoài ra còn có các nghiên cứu nổi tiếng khác như: *Sơn hải kinh hiệu chú*, nhà xuất bản cổ tịch Thượng Hải; *cổ thần thoại tuyển dịch*, nhà xuất bản Văn học Nhân dân[5].

Đinh Sơn Di trong *Trung Quốc cổ đại tông giáo giữ thần thoại khảo*[6] đã nghiên

[1] "神话即神灵故事。神，本义是天神。《说文解字》：“神，天神，引出万物者也。从示、从申。”神灵以闪电垂象，显示威严"

[2] 鲁迅（1881—1936）《中国小说史略》（北大新潮出版社 1923）：“昔者初民，见天地万物，变异不常，其诸现象，又出于人力所能以上，则自造众说以解释之：凡所解释，今谓之神话。”

[3] 《中国古代神话传说》是 2009 年吉林美术出版社出版的图书，作者是崔钟雷。该书收录了盘古开天地、女娲造人等神话传说。

[4] 袁珂(1916 年 7 月 12 日 2001 年 7 月 14 日)，四川新都人，神话学家。本名袁圣时，笔名丙生、高标、袁展等。著有《中国古代神话》、《中国神话传说》、《古神话选释》、《神话论文集》、《袁珂神话论集》、《中国神话百题》、《神话故事新编》、《中华文化集粹丛书·神异篇》等。

[5] 《山海经校注》*Sơn Hải kinh hiệu chú*，上海古籍出版社 Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã.
《古神话选释》*Cổ thần thoại tuyển dịch*，人民文学出版社 Nhân dân Văn học xuất bản xã.

[6] 丁山遗 - 中国古代宗教与神话考.

cứu, thống kê, phân loại hệ thống thần linh của Trung Quốc.

Những tài liệu kể trên cùng với kho tàng các điển cổ, điển tích được ghi chép trong các nguồn văn học sử Trung Hoa trở thành những tư liệu chính yếu trong nghiên cứu và so sánh truyền thuyết thần linh nơi đây với các nước trong khu vực. Từ đây, chúng ta biết tới một hệ thống thần linh hết sức đa dạng của đất nước này: Từ Bàn Cổ khai thiên lập địa đến hình tượng thần Nữ Oa vá trời, Phục Hy (phương Đông) đến Viêm Đế (phương Nam-Thần Nông), Thiếu Hạo (phương Tây), Chuyên Húc (phương Bắc) rồi đến Hoàng Đế (chính giữa), Đế Khốc, vua Nghiêu, vua Thuấn, Khoa Phụ, Ngu Công, Ngưu Lang – Chức Nữ (Trần Liên Sơn (-), Ngô Thị Soa dịch, 2012: 3-4)… Sau đó, trong thời Xuân Thu Chiến Quốc, một xu hướng phổ biến trong các truyền thuyết Trung Hoa là suy tôn người mà ở đây cụ thể là các vị anh hùng lên thành thần – có thể thấy đây là điểm tương đồng rõ rệt khi đối sánh với các truyền thuyết thần linh của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu để ý thấy, với sự đa dạng về dân tộc và tôn giáo, hệ thống thần linh của cả hai nước đều không có một vị chủ thần cố định với những mối liên hệ chặt chẽ kiểu như thần thoại Hy Lạp, mà là một hệ thống phong phú các thần độc lập, tách biệt nhau. Qua đó, thể hiện trí tưởng tượng vô cùng kỳ vĩ, những quan niệm về trời đất, vạn vật trong vũ trụ cũng như những quan niệm nhân sinh về con người trong thế giới quan thần linh chủ nghĩa của dân tộc Trung Hoa cổ xưa, mang đến nhiều nét khác biệt với thế giới văn hóa văn minh Phương Tây; đồng thời thể hiện sự tương tác, giao thoa và ảnh hưởng văn hóa lẫn nhau giữa hai quốc gia dân tộc có từ rất sớm.

2. Tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh trong truyền thuyết Nhật Bản

Trong trật tự thế giới Đông Á truyền thống, Việt Nam và Nhật Bản đã chịu ảnh hưởng và tiếp thu từ Trung Quốc nhiều yếu tố văn hóa quan trọng. Nhật Bản với Việt Nam vừa gần gũi lại vừa xa xôi. Trên thực tế, ý thức đồng văn (cùng văn hóa chữ Hán) và đồng chủng (cùng chủng tộc da vàng) đã chi phối mạnh mẽ nhãn quan và tiềm thức của nhiều nhà nghiên cứu khi tiếp cận nền văn hóa hai nước. Tiếp cận văn học trung đại Nhật Bản qua loại hình truyền thuyết thần linh cũng cho chúng ta thấy nhiều điểm thú vị trong cái nhìn so sánh giữa hai nền văn hóa và tín ngưỡng hai quốc gia.

Có thể nói văn học dân gian Nhật Bản là cái nền cho mọi truyền thống của đất nước này, tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc cho họ. Người đầu tiên ở Nhật Bản nghiên cứu truyện cổ dân gian một cách nghiêm túc có lẽ là nhà dân tộc học Yanagita Kunio (1876-1962). Năm 1947, ông đã cho in cuốn *Thu góp truyện cổ dân gian Nhật Bản* (Nguyễn Nam Trân, 2011: 41, 29) nói về nguồn gốc, lịch sử và các thể loại truyện cổ. Ông xem truyện cổ như "đứa con rơi" của thần thoại, mà trước tiên bắt đầu với những truyền thuyết về những người anh hùng (10 thể loại với 83 mô tuýp) như: anh hùng mở nước Thiên hoàng thứ nhất Jinmu (thần Vũ), Yamato Takeru no Mikoto, hoàng hậu Jinguu, các Thiên hoàng thứ 16 và 21, ...

Qua khảo cứu các nguồn tài liệu, chúng tôi nhận thấy tuyển tập văn xuôi cổ nhất kể lại những truyền thuyết về nguồn gốc vũ trụ của văn học dân gian Nhật Bản là Cổ sự ký (năm 712) (Hữu Ngọc, 2006: 14), trong đó người ta tìm thấy bóng dáng các vị thần núi, biển, gió, cây cỏ, hỏa và nữ thần mặt trời. Đến thời kỳ trung đại Nhật Bản, những truyện kể dân gian (gọi là setsuwa) được

biên soạn thành nhiều tác phẩm kể về Phật giáo, về thế giới linh thiêng, kỳ ảo, về các thần linh, chẳng hạn cuốn *Kim tích vật ngữ tập* (Tập truyện kể xưa nay, biên soạn vào nửa đầu thế kỷ XII), được dịch bởi tác giả Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Chung và Đào Phương Chi. Kim Tích chia làm ba phần: Thiên Trúc (tức Ấn Độ); Chấn Đán (tức Trung Quốc) và Bản triều (tức Nhật Bản), đề cập tới ba chủ đề lớn: Phật pháp, Vương pháp và Thế tục. Hầu hết những truyện này đều mang yếu tố kỳ ảo, hoang đường, linh thiêng.

Kim Tích ra đời dưới ảnh hưởng của Phật giáo và các truyền thuyết dân gian, thuyết thoại trong nước, được viết bằng chữ Hán như *Nhật Bản linh dị ký*, *Pháp Hoa nghiệm ký*; các tác phẩm nổi tiếng như *Bách nhân duyên tập*, *Vũ trị thập di vật ngữ, Cổ bản thuyết thoại tập* (viết bằng chữ Hán xen lẫn chữ Kana). Những tác phẩm của Trung Quốc tiêu biểu như *Tam bảo cảm ứng yếu lược lục*, *Minh báo ký, Sưu thần ký, …* cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự ra đời của *Kim Tích*.

Nói về việc sưu tầm các câu chuyện truyền thuyết thì Nhật Bản là nước có kho tàng cực kỳ phong phú các truyện kể về những sự việc hoang đường, kỳ ảo, thể hiện đời sống tinh thần hết sức đặc sắc của người Nhật Bản xưa. Chúng ta phải kể đến những truyền thuyết như: *Hai người nam nữ trẻ tuổi hóa cây Tùng*, *Người tiên bị đoạt áo lông chim*; *Sự tích chàng Urashima Taro lấy vợ thủy cung*; *Về nấm mồ của nàng trinh nữ Unai*; *Về cái chết của nàng trinh nữ Mana* (Nguyễn Nam Trân, 2011: 44-45)… Tuy nhiên, tập truyện thần linh được cho là tiêu biểu nhất của nền văn học dân gian Nhật Bản là tác phẩm *Nhật Bản linh dị ký* (*Nihonryoiki).* Tập truyện ra đời vào khoảng đầu thế kỷ thứ IX, được xem là tập truyện cổ nhất được viết bằng chữ Hán tại Nhật Bản do nhà sư Keikai tại chùa Yakushi (tỉnh Nara) viết ra. Nội dung chủ yếu là kể về truyện kỳ lạ từ xưa đến nay, thuyết nhân quả báo ứng của nhà Phật và công đức của việc tụng kinh Pháp Hoa, từ thời Thiên hoàng Yuryaku nửa thế kỷ thứ V tới đầu thời Thiên hoàng Saga đầu thế kỷ thứ IX, chia làm 3 quyển: Thượng (35 truyện), Trung (42 truyện), Hạ (39 truyện) (Keika (-); Nguyễn Thị Oanh dịch, 1999: 6). Trong truyện độc giả tìm thấy bóng dáng của truyện kể Phật giáo Trung Hoa như *Minh Báo ký, Kim cương bát nhã tập nghiệm ký* và nhiều điển tích, điển cố Trung Hoa. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng những tác động văn hóa Hán này lên đất nước Nhật Bản bởi những điều kiện địa lý - lịch sử được tiếp biến một cách gián tiếp qua bán đảo Triều Tiên, do đó trong cái nhìn địa - văn hóa, chúng ta thấy có những điểm tương đồng về sự du nhập của văn hóa Hán đối với nền văn hóa, văn học 3 nước Việt Nam - Nhật Bản - Hàn Quốc trong rất nhiều những câu chuyện truyền thuyết khác nhau.

3. Tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh trong truyền thuyết Hàn Quốc

Trong quan điểm so sánh văn học sử Đông Á, chúng ta nhận thấy chữ Hán và văn học chữ Hán như trên cũng đã đề cập chiếm một vị trí quan trọng trong văn hóa - văn học trung đại các nước Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc. Các câu chuyện truyền thuyết giữa các quốc gia, bằng nhiều con đường đã có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhau, nên vừa thể hiện được nét chung của văn học sử Đông Á vừa thể hiện được nét đặc trưng của văn hóa các dân tộc. Những truyền thuyết thần linh của Hàn Quốc cũng không nằm ngoài quy luật tương tác ấy.

Nguồn tư liệu cơ bản để nghiên cứu thần linh trong những truyền thuyết đầu tiên

của Hàn Quốc là *Samguk yusa (Tam quốc di sự)* của Thiền sư Iryeon sống vào khoảng thế kỷ XII. Ông vừa dựa vào các tài liệu lịch sử Trung Quốc, các cuốn lịch sử Hàn Quốc trước đó như: *Gusamguk sa* (*Cựu tam quốc sử* - thế kỷ thứ II) và *Samguk sagi* (*Tam Quốc sử ký* của KimBusik - thế kỷ thứ X) (Phan Thị Thu Hiền, 2014: 38), vừa trực tiếp tập hợp nghiên cứu, kết hợp với điền dã để đưa vào tác phẩm của mình những huyền thoại, dã sử như: *Huyền thoại Dangun, huyền thoại Goguryeo, huyền thoại Silla, huyền thoại Gaya, ...* trong đó nổi lên nhiều nhân vật thần quan trọng trong tín ngưỡng và tâm thức người Hàn qua các thời kỳ lịch sử. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể dựa vào các nghiên cứu khái quát về các truyền thuyết Hàn của các học giả Kim Byung-Mo, Kim Gwang-Eon và các tác phẩm thơ tự sự chữ Hán của tác giả Yi Gyubo (Lý Khuê Báo-thế kỷ XII) (Phan Thị Thu Hiền, 2014: 39), cùng các tiểu thuyết truyền kỳ thời kỳ Joseon (1392-1910) như *Kim ngao tân thoại*, *Lý sinh khuy tường truyện, Nam Viêm Phù châu chí* (Phan Thị Thu Hiền, 2017: 15)... để thấy được bao quát hơn đề tài và các nhân vật huyền thoại một cách rõ nét.

Qua những tài liệu tthu thập được liên quan đến văn học cổ trung đại Hàn Quốc, chúng tôi nhận thấy có một số những nhân vật thần tiêu biểu sau đây:

**** Tổ thần (chosang):*** khác với thờ ông bà tổ tiên, *chosang* là một khái niệm trừu tượng. Tuỳ theo từng địa phương mà tên gọi của vị thần này có sự khác nhau, song cái tên được biết đến nhiều nhất là *chosang tanji* hay bình thờ tổ.

Chosang tanji là một bình đựng gạo nhỏ, phủ lên bằng một tờ giấy trắng. Ở một vài địa phương, vị thần này được kính cẩn gọi là *Bà*. Bà có phép màu làm cho đất đai màu mỡ.

**** Hộ thần (sŏngju)***: là nam thần, được tượng trưng bằng một bình đựng gạo hoặc lúa mạch đặt trên một chiếc kệ nhỏ ở góc nhà.

Theo quan niệm của người Hàn, Hộ thần sẽ bảo vệ cho gia chủ khỏi những bất hạnh. Ở miền Trung, Hộ thần được tượng trưng bằng một tờ giấy trắng dán ở góc nhà hoặc treo trên cột, còn một số vùng miền Nam là cuộn giấy hoặc những bình lớn bằng đất nung.

Hộ thần được cúng cùng với Tổ thần vào những ngày lễ trong gia đình hoặc khi có đồ ăn ngon.

**** Táo quân (Chowang)***: đó là thần lửa, thần bếp cư trú trong bếp mỗi gia đình. Bếp là nơi người phụ nữ thường xuyên làm việc nên vị thần này cũng được gọi là *Bà* và được các bà nội trợ thờ cúng.

Chowang được thờ dưới dạng một chén nhỏ màu trắng đựng nước sạch đặt trên sàn bếp. Người sùng tín sẽ thay nước hàng ngày, còn hầu hết các bà nội trợ chỉ thay nước mỗi tháng một lần vào ngày mùng một. *Chowang* cùng với Tam Thần Bà có trách nhiệm báo cáo với Thượng đế về những gì xảy ra trong gia đình. Ngày nay, *Chowang* vẫn còn phổ biến ở hầu khắp các làng quê. Vào các ngày cúng lễ, Thần lửa cũng được đặt trên bàn thờ ngang hàng với các vị thần khác.

**** Thổ Thần (Teoju) - Địa Thần (Jisin)***: là nam thần cai quản mảnh đất và bảo vệ ngôi nhà. Vị thần này được tượng trưng bằng một chiếc bình chứa gạo cùng những mảnh vải đặt ở chỗ đất cao ở sân sau. Đôi khi người ta trồng một cây lúa trong bình. Bình thường được phủ bằng một bó rơm buộc túm phía trên.

**** Thần Tài (Upsin)***: thường được hình dung dưới dạng một con rắn (có nơi là con chồn hoặc con cóc). Theo quan niệm của

người Hàn, rắn vào nhà sẽ đem lại may mắn, rắn đi khỏi nhà sẽ gặp rủi ro. Thần Tài được thờ dưới dạng một ụ rơm ở sân sau, cạnh thần Thổ Địa. Người Hàn thường hình dung là con rắn trú trong ụ rơm; nếu nhìn thấy con rắn từ đó chui ra họ tin rằng tài lộc đã ra đi và gia đình sẽ gặp tai hoạ.

**** Tam Thần Bà (Samsin Halmeoni)***: là ba Bà Mụ quản lý 3 giai đoạn mang thai - sinh đẻ - nuôi con tới tuổi trưởng thành. Các vị thần này được thờ dưới dạng một tờ giấy gấp lại hay những cộng rơm sạch treo ở góc nhà. Người Hàn cúng các Bà bằng ba bát cơm và ba bát canh rong biển.

**** Thần gác cổng (Joyong)***: có nhiệm vụ giữ cho gia đình khỏi bệnh tật, tương truyền ông vốn là con trai của Đông Hải Long vương. Joyong có vợ đẹp. Thần Dịch Bệnh nhân lúc Joyong đi vắng đã hoá thành một chàng trai đến quyến rũ cô ta. Khi trở về thấy đôi giày lạ trước cửa và bốn chiếc chân trên giường Joyong đã bỏ đi và hát: *Sau buổi đêm chè chén say sưa/ Trong ánh trăng/ Tôi trở về nhà và trên giường tôi/ Nhìn thấy bốn cái chân/ Hai cái là của vợ tôi/ Vậy hai cái còn lại là của ai?/ Hai cái của tôi/ Không chúng bị lấy mất rồi*.

**** Cột Jangseung***: (*Jangseung* - Trường Sinh) là thần làng với khuôn mặt dữ tợn dùng để xua đuổi tà ma, bảo vệ dân làng khỏi tai ương đồng thời mang lại trường sinh cho mọi người.

**** Sơn thần/ Thần núi (Sansin)***: đóng một vai trò quan trọng trong nền văn hoá núi đá Hàn Quốc. Hầu như làng nào cũng có miếu thờ Sơn thần.

**** Huyền thoại lập quốc Dan-gun***

Thượng Đế *Hwan-in* (Hoàn Nhân) cho ba ngàn thuộc hạ hộ tống Hoàng tử *Hwan-ung* (Hoàn Hùng) giáng xuống gốc cây chiên đàn/*sindansu*, trên đỉnh núi *Baekdu* (Bạch đầu). *Hwan-ung* tự xưng là *Cheon-wang* (Thiên Vương) và xây dựng một Thần Thị. Một hôm, có một con *gấu* và một con *hổ* đến gặp Hwan-ung xin được làm người. Hoàng tử đã ban cho mỗi con hai mươi nhánh tỏi và một nắm ngải cứu bảo rằng về ở trong hang ăn tỏi và ngải cứu trong 100 ngày. Hổ nóng tính không chịu nổi đã chạy khỏi hang. Gấu nhờ nhẫn nại chịu đựng nên sau 21 ngày đã trở thành một cô gái xinh đẹp *Ung-nyo* (Hùng Nữ). *Ung-nyo* đã trở lại gốc cây chiên đàn gặp *Hwan-ung* xin được mang thai.

Sau đó, *Ung-nyo* đã sinh được một đứa con trai đặt tên là *Dan-gun* (Đàn Quân). *Dan-gun* đã lập quốc ở lưu vực sông Daedong và đặt tên là Chosŏn, tương truyền vào ngày 3 - 10 - 2333 trCN. Sau khi ở ngôi 1500 năm, ông thoái vị và trở thành Sơn thần. Ngày 3 - 10 đã trở thành ngày lập quốc của Triều Tiên (Hàn Quốc) (Nguyễn Long Châu, 2000: 330-331).

Như vậy Hàn Quốc cũng có một hệ thống các nhân vật thần tiêu biểu, hiện thân và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của người dân ngay từ những buổi đầu dựng nước. Trải qua những biến đổi thăng trầm, tuy tên gọi có thể khác nhau, nhưng về cơ bản chức năng và đặc điểm của các vị thần cũng đều phản ảnh thế giới quan và nhân sinh quan của họ trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, tạo nên những giá trị văn học - văn hóa truyền thống đặc trưng trên bán đảo Triều Tiên.

4. Tình hình nghiên cứu nhân vật thần linh trong truyền thuyết Việt Nam

Có thể thấy, so với việc khảo cứu nguồn tài liệu tiếng Việt còn hạn chế về tổng quan tình hình nghiên cứu thần linh trong truyền thuyết ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, việc nghiên cứu truyền thuyết thần linh Việt Nam qua nguồn tài liệu tiếng Việt rõ ràng là một lợi thế. Bởi

vậy chúng ta có cơ hội đi sâu và kỹ hơn để có cái nhìn đầy đủ và hệ thống về lịch sử nghiên cứu vấn đề này ở nước ta.

Qua việc sưu tầm, tập hợp và hệ thống hóa tư liệu, chúng tôi nhận thấy nhiều công trình nghiên cứu của nhiều tác giả về các truyền thuyết thần linh được tập hợp trong các tài liệu cổ, tài liệu văn học sử thời trung đại mà sẽ được chúng tôi đề cập dưới đây.

Trong các thư tịch khắc in, hai tài liệu *Việt điện u linh* (1329) của Lý Tế Xuyên và *Lĩnh Nam chích quái* (đầu thế kỷ XIV) của Trần Thế Pháp như đã viết ở phần trên, có thể xem là hai công trình đầu tiên đặt nền móng cho việc nghiên cứu những câu chuyện kể dân gian, những nhân vật thần linh có tính truyền thuyết của nước ta. Hai tập sách này theo thời gian, được các nho sĩ, học giả sao đi chép lại nhiều lần, tiếp tục bổ sung hoặc sửa chữa, thêm bớt ở phần truyện kể và lời bình. Đến nay, *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* đã trở thành tài liệu ghi chép những bản thần tích của nhiều thần từ mọi miền nước Việt, góp phần lớn trong việc cung cấp nguồn tài liệu cho nghiên cứu văn học, lịch sử và văn hóa Việt Nam. Các truyện tập trung kể về các bậc đế vương, các nhân thần và hào khí anh linh nước Việt. Tiếp đó là các tác giả Vũ Quỳnh, Kiều Phú, lấy việc ghi chép truyện dân gian làm nền tảng trong văn xuôi tự sự. Trong bài tự của mình, Vũ Quỳnh viết:

"*Than ôi, Lĩnh Nam liệt truyện sao không khắc vào đá, viết vào tre mà chỉ truyền tụng ở ngoài bia miệng. Từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu, lấy đó làm răn tất là có quan hệ đến cương thường, phong hóa*" (Trần Thế Pháp (-); Nguyễn Ngọc San, Đinh Gia Khánh dịch, 2011: 19)

Đặc biệt, đến thế kỷ XV-XVI, xu thế văn học hóa truyện dân gian nổi lên trong đó các tác gia tiêu biểu là Lê Thánh Tông và Nguyễn Dữ (tập truyện *Truyền kỳ mạn lục*). Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX lại là giai đoạn phát triển rực rỡ với những truyện dân gian được ghi chép lại theo quan điểm và phương pháp mới như *Truyền kỳ tân phả* (Đoàn Thị Điểm), *Thượng kinh ký sự* (Lê Hữu Trác), *Tang thương ngẫu lục* (Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án), … Đúng theo nhận xét của tác giả Kiều Thu Hoạch khi nghiên cứu về văn học dân gian trung đại Việt Nam:

"*Quy luật chung của nhiều nền văn học viết đều khởi đầu bằng việc ghi chép folklore. Các loại hình văn học tự sự trong văn học viết Việt Nam thời trung cận đại cũng không nằm ngoài quy luật đó*" (Kiều Thu Hoạch, 1989: 93).

Việc sưu tầm sáng tác theo lối giai thoại hoặc thần linh hóa những truyện xưa, tích cũ có liên quan đến lịch sử dân tộc, đến các triều đại, thần tích, ngọc phả, gia phả, dòng tộc, đình, đền miếu, nhân kiệt, anh tài,… của các tác giả dân gian, các nho sĩ trên, trong suốt thời kỳ trung đại đã làm sống động diện mạo lịch sử và văn hóa dân tộc ta, khi mà các bộ sử chính thống không có điều kiện để đi sâu. Đồng thời cho thấy tư duy quan niệm về tổ tiên, phong tục, truyền thống đấu tranh, đối nhân xử thế, đặc biệt là thế giới quan thần linh chủ nghĩa của người Việt xưa.

Bước sang thời hiện đại, tiếp cận tủ sách "Cảo thơm trước đèn", chúng ta còn "bắt gặp" cuốn sách cũng hết sức quý viết về những sự tích, những câu chuyện lạ lùng ở nước ta, đó là "*Nam Hải dị nhân*" (đầu thế kỷ XX) của Phan Kế Bính. Giới thiệu về cuốn sách, tác giả viết:

"*Chúng tôi kê cứu trong chính sử và các tạp ký, tìm những truyện các người có danh vọng, có sự tích lạ lùng, chia ra từng*

môn, từng mục, cứ theo thể thức trước sau mà đặt gọi là Nam Hải dị nhân liệt truyện, trước để lưu lại sự tích của người trước, sau là để các văn nhân tài tử xem cho biết anh tài nước mình" (Phan Kế Bính (-); Lê Văn Phúc hiệu chỉnh, 2016: 6).

Việc sưu tầm và công bố những tư liệu nghiên cứu về thần linh trong truyền thuyết ở nước ta bắt đầu trở nên rõ ràng vào khoảng những năm 30-40 của thế kỷ XX với sự xuất hiện của một loạt các chuyên khảo của nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyên như: "*Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man*" (1938), "*Hội Phù Đổng - Một trận đánh thần kỳ trong truyền thuyết Việt Nam*" (1938), "*Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam*" (1944) (Trần Thị An, 2014: 22). Với phương pháp tiếp cận nhân học và phương pháp liên ngành, tác giả đã phân tích nhiều nguồn tư liệu truyền thuyết trong thư tịch và truyền thuyết truyền miệng trong mối liên hệ với di tích, phong tục tín ngưỡng dân tộc,... bởi vậy đây là những công trình khoa học có giá trị sâu sắc đối với nhiều ngành nghiên cứu.

Tuy nhiên, phải đến những năm 50 của thế kỷ XX, trong cuốn *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam (*1957*)*, ở chương Chuyện đời xưa, các tác giả mới đề cập đến các truyền thuyết thần linh có nguồn gốc từ một đặc điểm địa lý (*Chuyện nàng Tô Thị, Chuyện núi Vọng Phu, ...*)

Trong những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, *Truyền thuyết Mỵ Châu – Trọng Thủy* được đưa lên diễn đàn tranh luận với nhiều bài nghiên cứu xoay quanh việc cải biên *Truyền thuyết Mỵ Châu – Trọng Thủy*. Nhiều vấn đề được đặt ra liên quan đến lý thuyết thể loại hay chủ đề truyện ca ngợi tình yêu thủy chung hay đề cao bài học cảnh giác…trở thành tư liệu cho việc nghiên cứu thần giai đoạn trung đại, tuy vậy luận án chỉ khai thác các yếu tố liên quan đến thần linh thể hiện trong tác phẩm.

Thập niên 70 đến 90 cũng chứng kiến sự ra đời của nhiều chuyên khảo có giá trị về truyền thuyết thần linh như: *Truyền thuyết và cổ tích Lam Sơn* (Ty Văn hóa thông tin Thanh Hóa, 1973), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian* (1974) của Cao Huy Đỉnh; *Truyền thuyết Trưng Vương* (Chi hội Văn nghệ dân gian Vĩnh Phú, 1975); *Nghiên cứu tiến trình của văn học dân gian Việt Nam* (1978) của Đỗ Bình Trị; *Truyền thuyết Hùng Vương* (Chi hội Văn nghệ dân gian Vĩnh Phú, 1984); *Giông bão Loa Thành* (1990) của Đặng Văn Lung; *Truyền thuyết Bia Bà* (1992), *Truyền thuyết Việt Nam* (Lã Duy Lan, 1997), *Truyền thuyết Việt Nam* (Trần Thị An, Phạm Minh Thảo, Bùi Xuân Mỹ, 1998), *Truyền thuyết dân gian người Việt* (Kiều Thu Hoạch, Mai Ngọc Hồng, Trần Thị An, 2004), *Truyền thuyết về những người mở cõi* (Hoàng Khôi, 2013), ...

Có thể thấy, từ những năm 2000 trở lại đây, nhiều nhà nghiên cứu đã cho ra đời những công trình sưu tầm biên soạn về hệ thống nhân vật thần linh nước Việt, có thể kể đến: *Thần, người và đất Việt* (Tạ Chí Đại Trường, Vũ Thanh Sơn, 2005) đã đi sâu tìm hiểu về tín ngưỡng dân gian phát triển từ thời cổ đại cho đến ngày nay, không chỉ gói gọn trong lịch sử dân Việt mà còn có sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa Trung Hoa và văn hóa Chăm để làm dày thêm hệ thống tín ngưỡng Việt Nam. Nhiều nhà khoa học đi trước đã dày công nghiên cứu về tôn giáo chính thống như Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, … về tín ngưỡng dân gian như Vũ Thanh Sơn, Vũ Ngọc Khánh,… nhưng chưa đi sâu tìm hiểu nguồn gốc các tín ngưỡng dân gian mà chủ

yếu chỉ dừng lại ở sưu tầm những câu chuyện kể về các thần. Tạ Chí Đại Trường (2005) bằng sự tổng hợp đã hệ thống lại từ các bộ sách tiêu biểu như: *Việt sử lược* – 1377 trước bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* (thế kỷ XVII), *Việt điện u linh tập* – 1329, *Lĩnh Nam Chích quái* (cuối thế kỷ XIV); *Đại Nam nhất thống chí* (cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX). Qua các nguồn tài liệu này, chúng ta tìm thấy các dấu vết cổ sơ từ các thần tích và lễ tục hiện tại qua các biểu hiện về hình thức *(ngữ nghĩa, lề lối, hiện vật)*.

Cuốn sách *Thần linh đất Việt* (2002) của Vũ Thanh Sơn cũng tập trung nghiên cứu, sưu tầm một loạt các truyện về thần linh (từ thời kỳ Tiền Hùng Vương) đa phần dựa trên các bản thần tích, thần phả cổ xưa trên khắp cả nước.

Trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, với một bề dày lịch sử qua các thời đại, các câu chuyện về các vị thần được nhân dân tôn thờ truyền từ đời này sang đời khác, được lưu giữ trong các sách truyện khác nhau của nhiều học giả. Qua đó thể hiện được sự ngưỡng vọng về tổ tiên, niềm tự hào dân tộc của ông cha ta bao đời. Vũ Thanh Sơn ghi rõ trong nghiên cứu của mình:

"Thờ thần linh không phải là mê tín dị đoan như có người lầm tưởng dẫn tới việc giải hạ một số di tích lịch sử mà chính là tôn thờ các anh hùng chống ngoại xâm, anh hừng xây dựng đất nước, phát triển văn hóa của dân tộc..." (Lý Tế Xuyên (-); Trịnh Đình Rư dịch, 1972: 8)

Đa phần các truyện ông sưu tầm đều được ghi chép trong giai đoạn trung đại - giai đoạn vừa mang tính chính sử vừa mang tính truyền thuyết, huyền thoại.

Năm 2003, Đặng Văn Lung đã nghiên cứu và cho ra đời tập sách *Văn hóa Thánh Mẫu*, đề cập cụ thể đến *Truyền thuyết Mỵ Châu - Trọng Thủy* với tư cách là một tác phẩm văn học dân gian, không phải là một tài liệu sử học và nghiên cứu về sự tích *Thánh Mẫu Ỷ Lan*. Từ bản thần tích *Hoàng Thái Hậu Ỷ Lan*, Đặng Văn Lung không chỉ nghiên cứu hiện tượng *Ỷ Lan* mà còn tìm hiểu nhiều yếu tố lạ, thần kỳ, những nét văn hóa thời Lý – Trần.

Chúng ta cũng cần phải nhắc tới cuốn *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần* của Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Đại Phúc (2013), chủ yếu viết về yếu tố tâm linh của người Việt thông qua tín ngưỡng tổ tiên, thờ Táo quân (*Nhất gia chi chủ)*, các thần độ mạng, thần bản gia – bản thổ, các thần linh ở thượng giới. Tuy nhiên, những vị thần này đa số cũng đã được ghi chép trong sách *Việt điện u linh*, chẳng hạn *Thần Đất Thổ Lệnh*, ghi rằng:

… "*Lư Ngư lập tượng Thổ Địa thờ ở quán Già La (vào khoản 713-739) tại thôn An Viễn (giữa hai huyện Long Đỗ và Từ Liêm).*

- Cao Biền lập một đền thờ Thổ Địa khác bên tả Đạo cung thuộc cung Đô hộ trấn Giao Châu (vào khoảng năm 860-873).

Cả hai thần này đều được sắc phong vào năm 1285, tước hiệu là Khai Nguyên Uyên hiển Long trứ Trung Vũ đại vương hoặc Thiên bộ Linh ứng Chung vũ Quốc công, thuộc hệ thống thần linh chính thức của triều đại nhà Trần" (Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc, 2013: 109).

Truyền thuyết Trung dực Vũ phụ Uy hiển vương trong *Việt điện u linh* ghi lại vị thần đầu tiên là Thổ Lệnh, xuất hiện ở Giao Châu vào thế kỷ VII:

"Thổ Lệnh thi tài với Thần Đá/ Thạch Khanh để giành lấy chức vị Hộ quán, thần bảo hộ cho cơ sở thờ tự Đạo giáo là quán Thông Thành ở Bạch Hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú)" (Lý Tế Xuyên (-); Trịnh Đình

Rư dịch, 1972: 99).

Thổ Lệnh được dân chúng trong vùng tôn sùng là "phúc thần" và "hương khói không lúc nào dứt" tại đền.

Việc quan niệm về thế giới thần linh của mỗi dân tộc trên thế giới đều có sự khác nhau. Theo Vũ Ngọc Khánh và Phạm Minh Thảo (2002) trong sách *Linh thần Việt Nam* cho rằng:

"Hình như quan niệm thần linh của người Việt là hoàn toàn có tính dân tộc, là tín ngưỡng chứ không phải mê tín, là từ con người để nâng lên thần thánh, rồi lại kéo Thần thánh xuống với con người…" (Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, 2002: 6).

Tập sách như một quyển từ điển để tra cứu tôn hiệu các vị thần linh Việt Nam, kèm trích dẫn địa danh thờ tự, thời gian (nếu có). Tác giả cũng nói rõ về sự trùng lặp tôn hiệu các vị thần vì nhiều nơi thờ chung một thần cũng như việc chưa liệt kê được chi tiết ngày giờ để tiến hành cúng tế và tổ chức lễ hội. Đây được xem như là một công trình nghiên cứu bổ ích giúp cho chúng tôi hệ thống hóa thế giới thần linh Việt Nam và tra cứu một cách dễ dàng hơn. Công việc này Lý Tế Xuyên cũng đã làm cách đây bảy tám thế kỷ, dưới hình thức là văn bản tập hợp các truyện kể dân gian về các vị thần linh nước ta. Với cuốn từ điển này, chúng tôi có thể hệ thống và trả lời được câu hỏi: *Người Việt Nam đã thờ những thần nào?* Đó là những thiên thần, những nhiên thần, vật thần, chủ yếu người Việt Nam thờ phụng là con người (các anh hùng, vua chúa, quan lại có công với nước nhà được sử sách ghi chép lại hoặc được thờ tự ở địa phương) hoặc cũng thờ những con người không thực vì chưa có tài liệu xác minh nhưng vẫn được nhắc trong từ điển.

Kết luận

Tựu trung lại, từ việc khảo cứu nguồn tư liệu tiếng Việt về các truyền thuyết Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc – những quốc gia có sự giao thoa văn hóa sâu rộng từ trong quá khứ, chúng tôi nhận thấy nhân vật thần linh chiếm một vị thế quan trọng trong hệ thống nhân vật truyền thuyết của các nước. Nhân vật thần linh từ trang sách ấy thấm nhuần vào đời sống cư dân và tâm thức các dân tộc này một cách thật tự nhiên và mạnh mẽ. Và cũng có khi theo chiều ngược lại, những câu chuyện dân gian về các vị thần trong văn học truyền miệng lại được ghi chép lại, trở thành truyền thuyết, thậm chí trở thành nguồn sử liệu quan trọng cho Quốc sử, nhất là ở giai đoạn đầu dựng nước và giữ nước của mỗi quốc gia dân tộc.

Với xuất phát điểm là những tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp và sự tiếp biến văn hóa Hán và chữ Hán, cả bốn quốc gia đều có cách phân loại hệ thống thần linh cơ bản có những điểm tương đồng nhất định như: thiên địa thần, vạn vật thần, nhân thần. Thậm chí tên gọi về các vị thần có sự trùng khớp: như thổ địa, táo quân, bà mụ, các vị thần khai quốc, ... Thêm nữa, với quan niệm vạn vật hữu linh và sự hiện diện của các loại hình tôn giáo trên cả bốn quốc gia, từ trong tâm thức người dân nơi đây đều có quan niệm về các thần tự nhiên: mưa, gió, cây, mặt trời, ... và đều có tục thờ cúng các vị thần này để cầu mong mưa thuận gió hòa mùa màng bội thu. Mặt khác với cảm hứng sử thi và anh hùng ca, các quốc gia này từ trong quá khứ đã từng bị đô hộ, chiếm đóng, loạn lạc, nội chiến, ... trong bối cảnh ước vọng về một cuộc sống yên bình đó, những câu chuyện truyền thuyết ca ngợi các vị anh hùng xuất hiện, mang đến những sắc thái rất phong phú về các loại hình thần dân tộc Phương Đông.

Tuy vậy, tùy vào đặc điểm lịch sử, bối

cảnh văn hóa, tâm lý và phong tục mỗi dân tộc mà nhân vật thần linh ở mỗi nước được phác họa trong truyền thuyết có những đặc điểm riêng. Và không chỉ có những khác biệt với các nước trong khu vực, giữa các giai đoạn trong lịch sử nghiên cứu nhân vật thần linh cũng có những điểm mới.

Trường hợp ở Việt Nam, đó là nhân vật thần linh tồn tại trong các truyền thuyết đã được ghi chép lại dưới dạng văn bản trong thời kỳ trung đại, khác với việc chỉ tồn tại dưới hình thức truyền miệng trong giai đoạn trước đó. Đó là minh chứng cho mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết và đồng thời phản ánh bước phát triển của văn học Việt Nam nói chung. Truyền thuyết về các vị thần ở Việt Nam có một quá trình hình thành và phát triển nội sinh gắn liền với nền văn hóa và văn học dân tộc đặc biệt là văn hóa dân gian và văn xuôi lịch sử. Văn hóa dân tộc được xem như cái nôi nuôi dưỡng những truyền thuyết Việt Nam trong suốt quá trình phát triển và đã giúp cho thể loại truyện này khác với truyền thuyết của các nước trong khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) tuy có sự giao thoa và ảnh hưởng văn hóa, văn học của họ.

Tuy nhiên, cho dù hệ thống thần linh được phác họa trong truyền thuyết ở mỗi quốc gia Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản có sự khác nhau, song họ đều là những nhân vật biểu trưng cho quan niệm của nhân dân về một thế giới linh thiêng trong quá khứ, về óc tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú của người xưa. Trong đời sống tinh thần của con người phương Đông, tín ngưỡng ấy được gìn giữ từ đời này sang đời khác như ngọn lửa thắp sáng đời sống tâm linh con người, nơi mà giữa các loại hình thần của nhiều tôn giáo cùng hội nhập thì tín ngưỡng về các vị anh hùng dân tộc được phong thần bao giờ cũng được xếp vào vị trí trang trọng, bởi những bối cảnh lịch sử (bị đô hộ, bị xâm lược, giao tranh và nội chiến, …) và những truyền thống đặc thù của các dân tộc Á Đông (yêu nước, tự tôn dân tộc, ý thức núi sông bờ cõi và quyền tự chủ mạnh mẽ, ...). Chính vì thế mà thần linh luôn giữ một vai trò quan trọng trong truyền thuyết và trong đời sống văn hóa tâm linh của nhân dân Việt Nam nói riêng và hầu hết các nước Phương Đông (như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) nói chung cho đến ngày nay.

Tài liệu tham khảo

Đại Việt sử ký toàn thư (2004). Hà Nội, Nxb Văn hóa thông tin.

Hữu Ngọc (2006). *Dạo chơi vườn văn Nhật Bản.* Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ.

Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc (2013). *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ Gia thần.* Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa văn nghệ.

Keika (-). *Nhật Bản linh dị ký.* Nguyễn Thị Oanh dịch (1999). Hà Nội, Nxb Văn học.

Kiều Thu Hoạch (1989). *Văn hóa dân gian, những lĩnh vực nghiên cứu.* Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

Kim tích vật ngữ tập (-). Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Chung Toàn, Đào Phương Chi dịch (2016). Tập thượng, quyển 11 – 19. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

Kyung, J.H. (2004). *Nghiên cứu so sánh tiểu thuyết truyền kỳ Hàn Quốc – Trung Quốc - Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Lý Tế Xuyên (-). *Việt điện u linh*. Trịnh Đình Rư dịch (1972). Hà Nội, Nxb Văn học.

Nguyễn Huệ Chi (1999). *Truyện Truyền kỳ Việt Nam.* Quyển 2. Hà Nội, Nxb Giáo dục.

Nguyễn Long Châu (2000). *Tìm hiểu văn hoá Hàn Quốc.* Hà Nội, Nxb Giáo dục.

Nguyễn Nam Trân (2011). *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*. Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Huế, Trần Thị An (2000). *Tuyển tập Văn học Dân gian Việt Nam*, *tập 1: Thần Thoại – Truyền Thuyết*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.

Nguyễn Tự (1962). *Tân biên Truyền kỳ mạn lục*. Quyển thượng. Hà Nội, Nxb Bộ Quốc gia Giáo dục.

Phan Kế Bính (-). *Nam Hải dị nhân*. Lê Văn Phúc hiệu chính (2016). Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Phan Thị Thu Hiền (2014). *Huyền thoại lập quốc của các nước Đông Á.* Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa văn nghệ Tp Hồ Chí Minh.

Phan Thị Thu Hiền (2017). *Hợp tuyển văn học cổ điển Hàn Quốc*. Tp Hồ Chí Minh. Nxb tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.

Tạ Chí Đại Trường (2005). *Thần, Người và Đất Việt*. Hà Nội, Nxb Văn hóa Thông tin.

Trần Liên Sơn (-). *Truyền thuyết, thần thoại Trung Quốc*. Ngô Thị Soa dịch (2012). Tp Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.

Trần Thế Pháp (-). *Lĩnh Nam Chích Quái.* Nguyễn Ngọc San, Đinh Gia Khánh dịch (2011). Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Trần Thị An (2014). *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.

Vĩnh Sính (2000). *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh.

Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo (2002). *Linh thần Việt Nam.* Hà Nội, Nxb Văn hóa thông tin.

Vũ Thanh Sơn (2002). *Thần linh đất Việt.* Hà Nội, Nxb Văn hóa dân tộc.